

**CÔNG TY TNHH BANANA GARDEN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH BANANA GARDEN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BANANA GARDEN COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: BANANA GARDEN CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109826965

**3. Ngày thành lập:** 22/11/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 7, ngõ 231, phố Khâm Thiên, Phường Thổ Quan, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0866975873

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                          | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                              | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                     | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                     | 4330     |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                | 4390     |
| 5.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                             | 4620     |
| 6.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                 | 4652     |
| 7.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                            | 4663     |
| 8.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                  | 4669     |
| 9.  | Trồng cây lâu năm khác                                                                                                                             | 0129     |
| 10. | Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm                                                                                                                | 0131     |
| 11. | Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm                                                                                                                 | 0132     |
| 12. | Chăn nuôi khác                                                                                                                                     | 0149     |
| 13. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                | 8299     |
| 14. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Thiết kế nội ngoại thất công trình;<br>(Khoản 3 Điều 67 Nghị định 15/2021/NĐ-CP); | 7110     |
| 15. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                  | 4690     |
| 16. | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                                                                                     | 1610     |
| 17. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                            | 1622     |

|     |                                                                                                      |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 18. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện             | 1629        |
| 19. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                     | 5610        |
| 20. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                | 8130        |
| 21. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                        | 3100        |
| 22. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                           | 3312        |
| 23. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                               | 3314        |
| 24. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                              | 3320        |
| 25. | Xây dựng nhà để ở                                                                                    | 4101        |
| 26. | Xây dựng nhà không để ở                                                                              | 4102        |
| 27. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                    | 4229        |
| 28. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                           | 4299(Chính) |
| 29. | Phá dỡ<br>(Không bao gồm hoạt động nổ mìn)                                                           | 4311        |
| 30. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(Không bao gồm hoạt động nổ mìn)                                                | 4312        |
| 31. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                | 4321        |
| 32. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh | 4752        |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

### 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên   | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                   | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|------------------|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRẦN DUƠNG THẮNG | Việt Nam  | Số 7, ngõ 231, phố Khâm Thiên, Phường Thổ Quan, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 1.020.000.000         | 51,000    | 038091016994                                                                                            |         |
| 2   | LÝ KHÁNH HOÀNG   | Việt Nam  | Số 1, ngõ 49, Vĩnh Hồ, Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam        | 980.000.000           | 49,000    | 001091051497                                                                                            |         |

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN DUƠNG THẮNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 16/07/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038091016994

Ngày cấp: 09/08/2019

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 7, ngõ 231, phố Khâm Thiên, Phường Thổ Quan, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 7, ngõ 231, phố Khâm Thiên, Phường Thổ Quan, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội